

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20-6-2019

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Chung

2. Ông Phạm Công Gia

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Đ tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Luật – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị M - sinh năm 1953.

HKTT: Số nhà 19, tổ 2, ấp Phú Lâm 5, xã S, huyện P, tỉnh Đ.

Chỗ ở hiện nay: tổ 6, ấp Phú Lâm 3, xã S, huyện P, tỉnh Đ.

Bị đơn: Ông Đỗ Văn T - sinh năm 1956.

HKTT: Số nhà 19, tổ 2, ấp Phú Lâm 5, xã S, huyện P, tỉnh Đ.

(Bà M và ông T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/02/2019 và lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đặng Thị M trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Đặng Văn T tự nguyện tìm hiểu quen biết nhau từ tháng 02/1986. Chính thức đến tháng 02/1987, tôi và ông Đỗ Văn T bắt đầu chung sống với nhau và cùng nhau đến sinh sống tại ấp 5, xã S, huyện P, tỉnh Đ cho đến nay và không có đăng ký kết hôn.

Cuộc sống chung của hai người hạnh phúc đến năm 2000 thì mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên hai người thường xuyên cãi nhau, ông T chửi bới và đánh đập bà. Bà đã tha thứ bỏ qua nhiều lần nhưng ông T lại không chịu thay đổi. Đến ngày 04/01/2019 (tết âm lịch), hai người đã không còn sống chung từ đó cho đến nay. Hiện nay bà không còn tình cảm thương yêu dành cho ông T nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đỗ Văn T.

Về con chung: Bà và ông T có 03 con chung là Đỗ Thị Lương – sinh ngày 20/12/1987, Đỗ Anh Tuấn – sinh ngày 06/01/1989 và Đỗ Thị Tú – sinh ngày 20/6/1990. Hiện tại các con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông T tự thỏa thuận với nhau, không tranh chấp chia tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Năm 2017 bà và ông T có vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện P số tiền là 10.000.000đ, là khoản vay theo chương trình nước sạch. Ngày 27/5/2019 đã trả hết số tiền gốc là 10.000.000đ và lãi phát sinh cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện P theo phiếu thu số CTSF270519296522 ngày giao dịch 27/5/2019. Hiện nay không có nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án bị đơn ông Đỗ Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T thống nhất như lời trình bày của bà M về quan hệ hôn nhân. Hai người tìm hiểu quen biết nhau từ tháng 02/1986. Chính thức đến tháng 02/1987, ông và bà M bắt đầu chung sống với nhau tại ấp Phú Lâm 5, xã S, huyện P, tỉnh Đ cho đến nay và không có đăng ký kết hôn.

Cuộc sống vợ chồng của ông thì cũng có mâu thuẫn nhưng không đến nỗi lớn. Nguyên nhân, do chủ yếu từ hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên ông phải đi làm ăn xa dẫn đến hai vợ chồng cũng cãi nhau. Mâu thuẫn từ ngày 04 tết năm 2019 do bà M nghi ngờ ông có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến hai người không còn sống chung từ ngày 04/01/2019(âm lịch) cho đến nay. Nay bà Đặng Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn với bà vì ông vẫn còn yêu thương vợ con.

Về nuôi con chung: Ông và bà M có 03 con chung là Đỗ Thị Lương – sinh ngày 20/12/1987, Đỗ Anh Tuấn – sinh ngày 06/01/1989 và Đỗ Thị Tú – sinh ngày 20/6/1990. Hiện tại các con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông và bà M tự thỏa thuận với nhau, không tranh chấp chia tài sản chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông thống nhất như ý kiến của bà M đã trình bày như trên và hiện nay hai người không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Thị M và ông Đỗ Văn T là vợ chồng. Về nuôi con chung: Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận với nhau, nợ chung không có, nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Bà M đã được miễn nộp tiền án phí về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn ông T có nơi cư trú tại xã S, huyện P, tỉnh Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bà M khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông T. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bà M là người khởi kiện nên bà là nguyên đơn, ông T là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các đương sự có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 30/5/2019 và ngày 14/6/2019. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Bà M và ông T tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 2 năm 1987 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2000 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà M nghi ngờ ông T có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên hai người thường xuyên cãi nhau. Từ ngày 04/01/2019(tết âm lịch) bà M đã bỏ về nhà con gái ở nên từ đó đến nay hai người không còn chung sống với nhau. Tuy nhiên ông T không đồng ý ly hôn vì còn thương yêu vợ con. Các tình tiết nêu trên phù hợp với lời khai của các đương sự và tại các biên bản xác minh ở địa phương ngày 08/4/2019.

Do bà M và ông T đủ điều kiện kết hôn nhưng lại chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ vào khoản 1, Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và khoản 4, Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016. Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Thị M và ông Đỗ Văn T là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: Bà M và ông T có 03 con chung là Đỗ Thị Lương – sinh ngày 20/12/1987, Đỗ Anh Tuấn – sinh ngày 06/01/1989 và Đỗ Thị Tú – sinh ngày 20/6/1990. Hiện nay các con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con, cấp dưỡng vì vậy Tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà M và ông T tự thỏa thuận với nhau về tài sản chung, kê khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bà M có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí đề ngày 06/3/2019 và thuộc người cao tuổi nên đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí. Quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1, Điều 9; khoản 1, Điều 14; Điều 51; khoản 2, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4, Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Thị M và ông Đỗ Văn T là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Có 03 con chung là Đỗ Thị Lương – sinh ngày 20/12/1987, Đỗ Anh Tuấn – sinh ngày 06/01/1989 và Đỗ Thị Tú – sinh ngày 20/6/1990 đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con, cấp dưỡng vì vậy Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà M và ông T tự thỏa thuận với nhau về tài sản chung, kê khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Đặng Thị M thuộc người cao tuổi nên đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà M và ông T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- Chi cục THA huyện P;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã S(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Lan